

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số: 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội Dung	Dự toán năm 2021 (năm hiện hành)	ƯTH năm 2021 (năm hiện hành)	Dự toán năm 2022	So sánh (%)
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	279.738	414.800	314.135	112%
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	8.610	10.600	9.400	109%
-	Các khoản thu ngân sách hưởng 100%	3.640	4.000	7.890	
-	Thu ngân sách huyện hưởng từ các khoản thu phân chia	4.970	6.600	1.510	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	271.128	338.580	304.735	112%
-	Bổ sung cân đối	243.759	264.736	303.680	
-	Bổ sung có mục tiêu	27.369	73.844	1.055	
III	Thu kết dư		98		
V	Các khoản huy động, đóng góp				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		65.522		
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	279.738	414.800	314.135	112%
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	279.738	298.430	313.080	112%
1	chi đầu tư phát triển	14.218	24.221	14.548	
2	Chi thường xuyên	260.054	274.209	291.689	
3	Dự phòng ngân sách	5.466		6.843	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
II	Chi các chương trình mục tiêu		96.370	1.055	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		29.319	0	
1.1	Giảm nghèo bền vững		21.986		
	Vốn đầu tư		21.986		
	Vốn sự nghiệp				
1.2	Xây dựng nông thôn mới		7.333		
	Vốn đầu tư		7.333		
	Vốn sự nghiệp				
2	Chi các chương trình mục tiêu				
	Vốn đầu tư				
	Vốn sự nghiệp				
3	Chi các nhiệm vụ		67.051	1.055	
III	Chi Chuyển nguồn		20.000	0	

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2021 (năm hiện hành)	ƯTH năm 2021 (năm hiện hành)	Dự toán năm 2022	So sánh(%)
A	B	1	2	3	4
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN				
I	Nguồn thu ngân sách	279.738	414.800	314.135	112%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	8.610	10.600	9.400	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	271.128	338.580	304.735	
-	Thu bổ sung cân đối	243.759	264.736	303.680	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	27.369	73.844	1.055	
3	Thu kết dư	0	98	0	
4	Các khoản huy động, đóng góp	0	0	0	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0	65.522	0	
II	Chi ngân sách	279.738	414.800	314.135	112%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện	233.624	342.558	267.852	
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	46.114	52.242	46.283	
-	Chi bổ sung cân đối	42.783	43.792	45.105	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	3.330	8.450	1.178	
3	Chi chuyển nguồn năm sau		20.000		
B	NGÂN SÁCH CẤP XÃ				
I	Nguồn thu ngân sách	46.476	53.434	47.110	101%
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	362	1.192	827	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	46.114	52.242	46.283	
-	Thu bổ sung cân đối	42.783	43.792	45.105	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	3.330	8.450	1.178	
3	Thu kết dư	0	0	0	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	0		0	
4	Các khoản huy động, đóng góp	0	0	0	
II	Chi ngân sách	46.476	53.434	47.110	101%
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp xã	46.476	53.434	47.110	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số: 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Ước thực hiện năm 2021 (năm hiện hành)		Dự toán năm 2022		So sánh (%)	
		TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP	TỔNG THU NSNN	THU NSĐP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	Thu nội địa	9.700	8.610	10.200	9.400	105%	109%
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	110		180	180	164%	
	Thuế GTGT:	110		180	180		
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	90	90	104	120	116%	133%
	Thuế TNDN:	45	45	52	60		
	Thuế GTGT:	45	45	52	60		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3) (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4) Trong đó:	3.050	3.050	3.016	3.000	99%	98%
	Thuế GTGT:	2.846	2.846	2.466	2.450	87%	86%
	Thuế TNDN:	34	34	50	50	147%	147%
	Thuế Tài nguyên:	170	170	500	500	294%	294%
	Thuế TTĐB:						
5	Thuế thu nhập cá nhân	600	600	600	600	100%	100%
6	Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-		
7	Lệ phí trước bạ	1.400	1.400	1.600	1.600	114%	114%
8	Thu phí, lệ phí	780	450	1.150	950	147%	211%
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	260	260	-	-	0%	0%
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	10	10	10	10	100%	100%
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		-		-		
12	Thu tiền sử dụng đất	1.300	1.170	1.500	1.500	115%	128%
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (chi tiết theo sắc thuế)						
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
16	Thu khác ngân sách	2.100	1.580	2.040	1.440	97%	91%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
II	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số: 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>1=2+3</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	314.135	267.852	46.283
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	313.080	266.797	46.283
I	Chi đầu tư phát triển	14.548	14.548	
1	Chi đầu tư cho các dự án	14.548		
	Trong đó chia theo lĩnh vực:	14.548		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	8.062		
-	Chi sự nghiệp kinh tế	3.548		
-	Chi sự nghiệp văn hóa	2.938		
	Trong đó chia theo nguồn vốn:	1.500		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.500		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	291.689	246.250	45.439
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	164.405	164.405	
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi dự phòng ngân sách	6.843	5.999	844
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.055	1.055	-
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	1.055	1.055	-
1	Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ cho các quỹ bảo trì đường bộ địa phương	500	500	
2	Kinh phí đảm bảo an toàn giao thông	555	555	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số: 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2022
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	314.135
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	46.283
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN THEO LĨNH VỰC	267.852
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	14.548
1	Chi đầu tư cho các dự án	14.548
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	8.062
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	2.938
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	3.548
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	247.305
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	164.405
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	35
4	Chi văn hóa thông tin	889
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	840
6	Chi thể dục thể thao	
7	Chi bảo vệ môi trường	1.435
8	Chi các hoạt động kinh tế	19.594
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	28.465
10	Chi bảo đảm xã hội	19.167
11	Chi an ninh	1.339
12	Chi quốc phòng	6.162
13	Chi thường xuyên khác	1.455
14	Chi thực hiện cải cách tiền lương từ nguồn tiết kiệm 10% chi thường xuyên	3.519
III	Dự phòng ngân sách	5.999
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số: 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KÈ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU
							TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	280.668	13.048	267.620						
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	234.385	13.048	221.337						
1	Văn phòng UBND - UBND	5.894		5.894						
2	Thanh tra huyện	579		579						
3	Phòng Tư pháp	454		454						
4	Phòng kinh tế và hạ tầng	3.065		3.065						
5	Phòng Tài chính - KH	1.069		1.069						
6	Phòng LĐTB và XH	19.551		19.551						
7	Phòng Nội vụ	1.981		1.981						
8	Phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn	2.514		2.514						
9	Phòng Tài nguyên & MT	1.305		1.305						
10	Phòng Văn hoá và TT	421		421						
11	Phòng Giáo dục & ĐT	161.349		161.349						
12	Văn phòng Huyện uỷ.	4.391		4.391						
13	Ban tổ chức	1.052		1.052						
14	Ban tuyên giáo	1.018		1.018						
15	Ủy ban kiểm tra	931		931						
16	Ban dân vận	704		704						
17	Ủy ban mặt trận Tổ quốc huyện	952		952						
18	Hội liên hiệp phụ nữ	543		543						
19	Đoàn thanh niên	733		733						
20	Hội nông dân huyện	552		552						
21	Hội cựu chiến binh huyện	551		551						
22	Trung tâm văn hóa, thể thao và Truyền thông	1.718		1.718						
23	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	3.158		3.158						
* 24	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục TX	1.850		1.850						
25	Hội chữ thập đỏ	163		163						
26	Trung tâm chính trị huyện	536		536						
27	Hội khuyến học	72		72						

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số: 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ												
			CHI GIÁO DỤC - ĐẠO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	
			2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
	B	1													
	Tổng số	13.048	8.062	-	-	2.938	-	-	-	2.048	2.048				
1	Ban quản lý DA ĐTXD huyện	13048	8.062			2.938				2.048	2.048				

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục	Chi đào tạo và dạy nghề	Chi quốc phòng trật tự an toàn xã hội	Chi sự nghiệp và nghiệp vụ	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tin	Chi thể thê dực thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
												Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
25	Hội chữ thập đỏ	163.226.000									20.000.000			116.226.000		27.000.000
26	Trung tâm chính trị huyện	535.620.000		535.620.000												
27	Hội khuyến học	72.216.000												72.216.000		
28	Hội người cao tuổi	116.916.000												116.916.000		0
29	Hội Đồng Y	72.216.000												72.216.000		
30	Hội cựu thanh niên Xung phong	15.000.000												15.000.000		
31	Hội Luật gia	72.216.000												72.216.000		
32	Hội Nạn nhân chất độc da cam	20.000.000												20.000.000		
33	Ban chỉ huy QS huyện	2.220.000.000			2.220.000.000											
34	Công an huyện	934.000.000			834.000.000											
35	Ngân hàng chính sách xã hội huyện	500.000.000									500.000.000					
36	Quy hỗ trợ nông dân	50.000.000									50.000.000					
37	Trung tâm học tập cộng đồng xã Bắc Bó	23.000.000		23.000.000												
38	Trung tâm học tập cộng đồng xã Giáo Hiệu	23.000.000		23.000.000												
39	Trung tâm học tập cộng đồng xã Công Bằng	23.000.000		23.000.000												
40	Trung tâm học tập cộng đồng xã Cổ Linh	23.000.000		23.000.000												
41	Trung tâm học tập cộng đồng xã Cao Tân	23.000.000		23.000.000												
42	Trung tâm học tập cộng đồng xã Nghiến Loan	23.000.000		23.000.000												
43	Trung tâm học tập cộng đồng xã An Thắng	23.000.000		23.000.000												
44	Trung tâm học tập cộng đồng xã Xuân La	23.000.000		23.000.000												
45	Trung tâm học tập cộng đồng xã Bằng Thành	23.000.000		23.000.000												
46	Trung tâm học tập cộng đồng xã Nhân Môn	23.000.000		23.000.000												



DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số: 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện	Chi bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối ngân sách xã
			Tổng số	Thu ngân sách xã hưởng 100%	Chia ra Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia				
A	B	I	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	2.142	827	827	-	45.105	-	-	45.932
1	Xã Bộc Bó	1.310	252	252		4.773			5.025
2	Xã Giáo Hiệu	58	43	43		4.173			4.216
3	Xã Công Bằng	142	83	83		4.349			4.432
4	Xã Cỏ Linh	97	79	79		4.486			4.565
5	Xã Cao Tân	96	72	72		4.776			4.848
6	Xã Nghiên Loan	180	116	116		5.009			5.125
7	Xã An Thắng	31	19	19		3.962			3.981
8	Xã Xuân La	65	49	49		4.380			4.429
9	Xã Bằng Thành	105	68	68		4.978			5.046
10	Xã Nhạn Môn	58	46	46		4.219			4.265

Biểu số 78/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM

2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số: 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	I	2	3	4
	TỔNG SỐ	1.178	-	1.178	-
1	Xã Bộc Bó	133		133	
2	Xã Giáo Hiệu	80		80	
3	Xã Công Bằng	110		110	
4	Xã Cổ Linh	123		123	
5	Xã Cao Tân	133		133	
6	Xã Nghiên Loan	156		156	
7	Xã An Thắng	86		86	
8	Xã Xuân La	101		101	
9	Xã Bằng Thành	168		168	
10	Xã Nhạn Môn	89		89	

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

(Kèm theo Quyết định số: 4665/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện Pác Nặm)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư										Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công đến 31/12/2021						Lấy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2021						Kế hoạch vốn năm 2022					
					Số Quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn			Tổng số	Chia theo nguồn vốn													
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương		Ngoài nước	Ngân sách trung ương	Ngân sách địa phương											
A	Tổng số	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20										
							50.000	-	-	50.000	-	-	-	-	13.986	-	-	13.986	14.548	-	-	14.548										
A	NGÂN, LĨNH VỰC, CHƯƠng TRÌNH Nguồn vốn ngân sách địa phương (huyện địa hành)						50.000	-	-	50.000	-	-	-	-	13.986	-	-	13.986	13.048	-	-	13.048										
I	CƠ QUAN, ĐƠN VỊ BAN QLDA ĐTXD huyện						50.000	-	-	50.000	-	-	-	-	13.986	-	-	13.986	13.048	-	-	13.048										
1	Chuẩn bị đầu tư																															
2	Thực hiện dự án																															
a	Dự án chuyển tiếp từ giải đoạn 5 năm 2016-2020 sang giải đoạn 5 năm 2021-2025																															
b	Dự án khởi công mới trong giải đoạn 5 năm 2021-2025						50.000	-	-	50.000	-	-	-	-	13.986	-	-	13.986	13.048	-	-	13.048										
*	Công trình chuyển tiếp (dự án nhóm C)						33.300	-	-	33.300	-	-	-	-	13.986	-	-	13.986	12.000	-	-	12.000										
1	Tường THCS Bắc Bó	xã Bắc Bó			2021-2023	2546/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	3.500	-	-	3.500	-	-	-	-	2.500	-	-	2.500	1.000	-	-	1.000										
2	Tường Tiểu học Bàng Thành II	xã Bàng Thành			2021-2023	2545/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	6.500	-	-	6.500	-	-	-	-	2.500	-	-	2.500	4.000	-	-	4.000										
3	Tường PTDTBT THCS Công Bằng	xã Công Bằng			2021-2023	2609/QĐ-UBND ngày 24/8/2021	6.000	-	-	6.000	-	-	-	-	2.938	-	-	2.938	3.062	-	-	3.062										

4	Nhà văn hóa Trung tâm huyện	xã Bộc Bó	2021-2023	2446/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	14.800	14.800	-	4.548	4.548	2.938	2.938
5	Nâng cấp công trình Đường Ngăn Vàng-Tập Ten- xã Sơn Lập	xã Nhan Môn	2021-2023	1321/QĐ-UBND ngày 29/7/2021	2.500	2.500	-	1.500	1.500	1.000	1.000
**	Công trình Khởi công mới (đư án nhóm C)				16.700	16.700	-	-	-	1.048	1.048
6	Nâng cấp Đường Năm Văm - Kmới Bộc - Cốc Pục, xã Nghiến Loan	xã Nghiến Loan	2022-2024	3012/QĐ-UBND ngày 10/09/2021	5.000	5.000	-	-	-	200	200
7	Đường Nà Lòng - Khu Sìn thôn Bân Nghè, xã Cổ Linh	xã Cổ Linh	2022-2024	3010/QĐ-UBND ngày 10/09/2021	4.000	4.000	-	-	-	300	300
8	Mở mới đường Kéo Pút Nà Cà thôn Làng Muông, xã Xuân La	xã Xuân La	2022-2024	3008/QĐ-UBND ngày 10/09/2021	7.700	7.700	-	-	-	548	548
B	NGÂN HÀNG TƯ NHÂN CHƯƠNG TRÌNH Nguyên thu tiền sử dụng đất									1.500	1.500